

Số: 2092/TTr-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01 tháng 06 năm 2015 của Thủ

tướng Chính phủ về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian qua, thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014, Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021, Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp đã nêu cao tinh thần, trách nhiệm và nhận thức trong việc triển khai tín dụng chính sách. Đặc biệt, đã tổ chức thực hiện tốt chủ trương huy động, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

Nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua không ngừng tăng trưởng đã thể hiện chủ trương, quan điểm về nguồn vốn tín dụng chính sách do Nhà nước cấp, NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các tổ chức, cá nhân theo phương châm “Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân cùng làm”, “Trung ương và địa phương cùng làm”. Đồng thời thể hiện quyết tâm của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, cấp ủy, chính quyền địa phương và NHCSXH trong việc tập trung nguồn lực nhằm thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, đáp ứng kịp thời và ngày càng tốt hơn nhu cầu vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Đến ngày 31/10/2025, tổng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đạt 572 tỷ đồng (Trong đó: Nguồn ngân sách chuyển qua 533 tỷ đồng và lãi nhập nguồn 39 tỷ đồng). Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua cùng với nguồn vốn Trung ương chuyển về đã được chi nhánh NHCSXH tỉnh triển khai giải ngân kịp thời, giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, xây mới, sửa chữa nhà ở, ... góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh.

Từ năm 2017 đến nay, việc quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và xử lý nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách

khác trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 8 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, thẩm quyền quy định thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 19/8/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 84/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, theo đó tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC quy định: *“Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương”* và tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC quy định: *“Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định”*.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 1 và tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm bảo đảm thống nhất cơ chế quản lý, công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng

Trị; góp phần tăng cường hiệu quả tín dụng chính sách, hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách khác phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, giảm nghèo bền vững, thực hiện mục tiêu an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành: Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở các quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH Việt Nam.

Căn cứ theo các chính sách của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ: Mức cho vay, thời hạn cho vay và lãi suất cho vay được xác định trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tín dụng chính sách đối với từng chương trình, đối tượng vay vốn tại NHCSXH, bảo đảm thống nhất với cơ chế, chính sách chung của Trung ương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 104/HĐND-KTNS ngày 25/9/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao NHCSXH chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu tham mưu xây dựng Nghị quyết.

Trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng chương trình tín dụng chính sách; đồng thời căn cứ hướng dẫn của NHCSXH và kết quả khảo sát thực tiễn việc triển khai chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn tỉnh, chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Trị phối hợp các sở, ngành, địa phương liên quan tổng hợp, nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương, Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn thiện dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy trình ban hành văn bản QPPL. ✓

Dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 2141/BC-STP ngày 25/11/2025.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Đối tượng áp dụng: Cơ quan Nhà nước; Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH); Người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác, Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 5 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay

Điều 3. Các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3.1. Về quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay:

Hiện nay, nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác sang chi nhánh NHCSXH tỉnh đang thực hiện cho vay các chương trình tín dụng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHCSXH, cụ thể:

a) Hộ nghèo vay vốn sản xuất kinh doanh theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.

- Mức cho vay tối đa: Hiện nay 100 triệu đồng/hộ, quy định tại Điều 1 Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2019 của Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Lãi suất cho vay: 6,6%/năm (0,55%/tháng), theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thời hạn cho vay: tối đa 120 tháng quy định tại Điều 2 Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2019 của Hội đồng quản trị NHCSXH.

b) Người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù (NCHXAPT).

- Mức cho vay tối đa: đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm: tối đa là 100 triệu đồng/NCHXAPT; Cơ sở sản xuất kinh doanh: mức vốn cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh, quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lãi suất cho vay: 6,6%/năm (0,55%/tháng, bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo), theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thời hạn cho vay: tối đa 120 tháng quy định tại Điều 8 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Các đối tượng vay vốn để giải quyết việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Mức cho vay tối đa: Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh tối đa 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; đối với người lao động mức vay tối đa là 100 triệu đồng/lao động, quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Lãi suất cho vay: 7,92%/năm (0,66%/tháng), quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Thời hạn cho vay: tối đa 120 tháng quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

d) Các đối tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 76 Luật Nhà ở ngày 27/11/2023 và khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. ✓

- Mức cho vay tối đa: Đối với mua, thuê mua nhà ở xã hội thì mức vốn cho vay tối đa bằng 80% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà; Đối với xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở thì mức vốn cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án sử dụng vốn, tối đa không quá 01 tỷ đồng, có căn cứ suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng nhà ở của cấp có thẩm quyền và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ.

- Lãi suất cho vay: 5,4%/năm, theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ.

- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 25 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 48 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ.

Bên cạnh đó, hiện còn nhiều chương trình tín dụng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa có đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, như:

a) Người lao động từ đủ 18 tuổi thường trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc theo thoả thuận ký kết về hợp tác lao động thời vụ giữa chính quyền tỉnh Quảng Trị với chính quyền địa phương ở nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Mức cho vay tối đa: bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Lãi suất cho vay: 6,6%/năm (0,55%/tháng), quy định tại Điều 1 Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

b) Hộ gia đình vay vốn để đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 02 loại công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mức cho vay tối đa: 25 triệu đồng/01 loại công trình/khách hàng, theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ. ✓

- Lãi suất cho vay: 9,0%/năm, quy định tại Điều 9 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thời hạn cho vay: tối đa 60 tháng, theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Mặt khác, trong quá trình triển khai thực hiện Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH thường xuyên có sự thay đổi về mức cho vay, lãi suất cho vay đối với các chương trình tín dụng. Ví dụ như chương trình cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở:

a) Mức cho vay:

- Từ ngày 10/12/2015 đến ngày 31/3/2021 mức cho vay tối đa: Trường hợp mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội thì mức vốn cho vay tối đa bằng 80% giá trị hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà; Trường hợp xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở thì mức vốn cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay, theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/7/2024 mức cho vay tối đa: Trường hợp mua, thuê mua nhà ở xã hội thì mức vốn cho vay tối đa bằng 80% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà; Trường hợp xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở thì mức vốn cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay vốn, tối đa không quá 500 triệu đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

- Từ ngày 01/8/2024 đến nay mức cho vay tối đa: Trường hợp mua, thuê mua nhà ở xã hội thì mức vốn cho vay tối đa bằng 80% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà; Trường hợp xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở thì mức vốn cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án sử dụng vốn, tối đa không quá 01 tỷ đồng, có căn cứ suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng nhà ở của cấp có thẩm quyền và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ.

b) Lãi suất cho vay:

- Từ ngày 03/4/2018 đến ngày 31/3/2021 lãi suất cho vay tại NHCSXH do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị NHCSXH cho từng thời kỳ, theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (Lãi suất cho vay 4,8%/năm, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 03/4/2018, Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 01/4/2019, Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 13/8/2020 và Quyết định số 532/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/7/2024 lãi suất cho vay tại NHCSXH do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị NHCSXH cho từng thời kỳ, theo quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ (Lãi suất cho vay 4,8%/năm, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 532/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 và Quyết định số 486/QĐ-TTg ngày 10/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

- Từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/10/2025 lãi suất cho vay: bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ, theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ. (Lãi suất cho vay 6,6%/năm (0,55%/tháng), theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

- Từ ngày 10/10/2025 đến nay lãi suất cho vay: 5,4%/năm, theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ.

Xuất phát từ những lý do trên, để bảo đảm tính linh hoạt, thống nhất và đồng bộ giữa chính sách tín dụng từ nguồn vốn ngân sách địa phương với các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH, tránh thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung Nghị quyết khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH điều chỉnh về mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, vì vậy đề nghị ban hành quy định chung về mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay như sau:

- Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay được áp dụng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội theo từng thời kỳ.

- Trường hợp Chính phủ hỗ trợ giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ được giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Về quy định các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ:

Hiện nay, việc xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021, theo đó, tại Điều 5 Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 quy định rất rõ về nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý nợ, cụ thể: ✓

- Các loại thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; dịch họa, hoả hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi và cây trồng xảy ra làm thiệt hại đến vốn, tài sản của dự án hoặc phương án vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng; không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Biến động chính trị, kinh tế - xã hội, dịch bệnh ở nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; doanh nghiệp tiếp nhận lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động do người lao động không đủ sức khoẻ để làm việc hoặc không đảm bảo tay nghề hoặc do các nguyên nhân khách quan khác mà không do lỗi của người lao động dẫn đến việc người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn.

- Khách hàng vay vốn là cá nhân hoặc có thành viên khác trong hộ gia đình (là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung tại thời điểm khách hàng đề nghị xử lý rủi ro): mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích; vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên, tính từ thời điểm biết được tin tức cuối cùng về khách hàng vay vốn.

- Các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án; các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích và không còn tài sản để trả nợ; khách hàng bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật.

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, đây là các khoản nợ mang tính đặc thù, riêng lẻ, do đó đề nghị giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tùy theo từng trường hợp cụ thể.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT GỬI THẨM ĐỊNH

Trên cơ sở ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã tiếp thu, bổ sung nội dung quy định các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số ✓

84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết: Nguồn nhân lực sử dụng cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết các thủ tục hành chính hiện có của các sở, ngành, địa phương. Ngân sách nhà nước chuyển qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Thời gian trình thông qua: Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban: Kinh tế - Ngân sách, Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Phan Phong Phú

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS ngày tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- NHCSXH
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND; UBMT TQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang